EXPLORING LANGUAGE ATTITUDES TOWARD MOTHER TONGUE USE MONG ETHNIC MINORITY STUDENTS AT TAN TRAO UNIVERSITY

Ha Thi Chuyen[1,*]

[1]*Faculty of Education, Tan Trao University, Tuyen Quang Province, Viet Nam*
Email address: htchuyen@tqu.edu.vn
[*]*Corresponding Author: Ha Thi Chuyen*
https://doi.org/10.51453/3093-3076/1355

ARTICLE INFO

Received: 12/8/2025
Revised: 15/9/2025
Published: 28/10/2025

KEYWORDS

Language attitude;
Ethnic minority;
Mother tongue;
Students;
Tan Trao University.

ABSTRACT

This study was conducted to address the central question regarding the current state of language use and attitudes among ethnic minority students at Tan Trao University toward their mother tongues. The main objective was to determine the extent of use, awareness, and emotional attachment students have toward their native languages, thereby clarifying the relationship between language attitude and linguistic behavior in the contemporary higher education context. Methodologically, the study employed a quantitative empirical approach, utilizing an online survey administered via Google Forms to collect data from students of various ethnic minority backgrounds. The data were analyzed using descriptive statistics and correlation analysis to assess trends in mother tongue objectively use across different communicative settings. The findings revealed that mother tongues remain central to intra-community communication and the expression of cultural identity, although there are signs of declining language competence among younger generations. The students' positive and proud attitudes toward their native languages constitute a crucial foundation for developing bilingual education and preserving ethnic minority languages. Overall, the study provides empirical evidence to inform policy-making and strategic efforts in safeguarding linguistic heritage within Viet Nam's higher education environment.

TÌM HIỂU THÁI ĐỘ NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO TRONG SỬ DỤNG TIẾNG MẸ ĐẺ

Hà Thị Chuyên[1,*]

[1]*Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang, Việt Nam*
Địa chỉ email: htchuyen@tqu.edu.vn
[*]*Tác giả liên hệ: Hà Thị Chuyên*
https://doi.org/10.51453/3093-3076/1355

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 12/8/2025
Ngày hoàn thiện: 15/9/2025
Ngày đăng: 28/10/2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm trả lời câu hỏi về thực trạng sử dụng và thái độ ngôn ngữ của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào đối với tiếng mẹ đẻ. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định mức độ sử dụng, nhận

TỪ KHÓA

Thái độ ngôn ngữ;
Dân tộc;
Tiếng mẹ đẻ;
Sinh viên;
Trường Đại học Tân Trào.

thức và cảm xúc của sinh viên đối với ngôn ngữ dân tộc, từ đó làm rõ mối quan hệ giữa thái độ và hành vi ngôn ngữ trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay. Về phương pháp, nghiên cứu được triển khai theo **hướng tiếp cận thực nghiệm định lượng**, sử dụng **khảo sát trực tuyến bằng công cụ Google Form** để thu thập dữ liệu từ nhóm sinh viên thuộc các dân tộc thiểu số khác nhau. Dữ liệu được xử lý bằng **phương pháp thống kê mô tả và phân tích tương quan**, giúp đánh giá khách quan xu hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các môi trường giao tiếp khác nhau. Kết quả cho thấy tiếng mẹ đẻ vẫn giữ vai trò quan trọng trong giao tiếp nội tộc và biểu đạt bản sắc văn hóa**,** dù xuất **hiện** dấu hiệu suy giảm năng lực ngôn ngữ ở thế hệ trẻ. Thái độ tích cực và tự hào của sinh viên đối với tiếng mẹ đẻ là nền tảng quan trọng cho việc phát triển giáo dục song ngữ và bảo tồn ngôn ngữ dân tộc. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho hoạch định chính sách và chiến lược gìn giữ di sản ngôn ngữ trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam.

.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, vấn đề bảo tồn và phát huy ngôn ngữ dân tộc thiểu số đang được nhiều quốc gia quan tâm. Các tổ chức quốc tế như UNESCO liên tục nhấn mạnh vai trò của ngôn ngữ mẹ đẻ trong việc duy trì bản sắc văn hóa và phát triển giáo dục đa ngữ. Ở nhiều quốc gia đa dân tộc như Trung Quốc, Canada hay Ấn Độ,... nghiên cứu về thái độ ngôn ngữ của các nhóm thiểu số đã giúp hoạch định chính sách ngôn ngữ phù hợp, góp phần vào sự phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, với hơn 54 dân tộc anh em cùng sinh sống, tiếng mẹ đẻ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là biểu tượng của bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa, hội nhập và sự phổ biến mạnh mẽ của tiếng Việt chuẩn đã khiến việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của người dân tộc thiểu số – đặc biệt là giới trẻ và sinh viên – ngày càng giảm sút.

Trường Đại học Tân Trào là cơ sở giáo dục đào tạo trọng điểm của tỉnh Tuyên Quang, nơi tập trung đông đảo sinh viên đến từ nhiều dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Dao, Mông, Cao Lan… Trong môi trường học tập đa văn hóa, sinh viên vừa có điều kiện tiếp xúc đa ngôn ngữ nên đứng trước nguy cơ xa rời tiếng mẹ đẻ. Thực tế này đặt ra nhu cầu nghiên cứu thái độ ngôn ngữ của họ.

Nghiên cứu xuất phát từ thực trạng đáng lo ngại về sự mai một tiếng mẹ đẻ của giới trẻ các dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh hội nhập và giao tiếp ngày càng mở rộng, tiếng Việt và các ngoại ngữ khác trở thành ngôn ngữ chủ đạo trong học tập, công việc và đời sống, khiến việc sử dụng tiếng mẹ đẻ bị thu hẹp, thậm chí có nguy cơ bị lãng quên ở một bộ phận sinh viên. Bên cạnh đó, hiện nay vẫn còn thiếu những công trình nghiên cứu chuyên sâu về thái độ ngôn ngữ của sinh viên dân tộc thiểu số tại các trường đại học miền núi – địa bàn cư trú chính của đồng bào dân tộc thiểu số. Chính khoảng trống này đòi hỏi cần có những khảo sát cụ thể để hiểu rõ hơn nhận thức, cảm xúc và hành vi ngôn ngữ của họ. Ngoài ra, việc xác định thực trạng và thái

độ ngôn ngữ với tiếng mẹ có ý nghĩa quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp, chính sách giáo dục và văn hóa phù hợp, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị ngôn ngữ – văn hóa của các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay.

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu **thực trạng sử dụng và thái độ ngôn ngữ** của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào đối với tiếng mẹ đẻ. Trọng tâm chỉ ra thực trạng sử dụng, **mối quan hệ giữa nhận thức, cảm xúc và hành vi ngôn ngữ,** thể hiện qua việc sinh viên có duy trì hay xa rời việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để **đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy tiếng mẹ đẻ trong môi trường giáo dục đại học** hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng tiếp cận **thực nghiệm định lượng**, sử dụng khảo sát trực tuyến qua **Google Form** để thu thập dữ liệu về **thái độ ngôn ngữ của sinh viên dân tộc thiểu số Trường Đại học Tân Trào** trong việc sử dụng tiếng mẹ đẻ. **Bảng hỏi gồm 11 câu**, chia thành ba nhóm nội dung: thông tin cá nhân, thực trạng sử dụng và thái độ nhận thức về tiếng mẹ đẻ. Các câu hỏi được thiết kế theo **thang đo mức độ** nhằm lượng hóa hành vi và thái độ ngôn ngữ. Dữ liệu thu được được **mã hóa và xử lý bằng SPSS và Excel** để tính tần suất, tỷ lệ, giá trị trung bình và phân tích mối tương quan giữa các biến. Đối tượng nghiên cứu gồm 653 sinh viên dân tộc thiểu số đang học tập tại Trường Đại học Tân Trào, thuộc nhiều ngành học khác nhau và trải đều từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, đại diện cho sự đa dạng về vùng miền, dân tộc và trải nghiệm ngôn ngữ trong môi trường học tập đa văn hóa. Thời gian thu thập dữ liệu trong giai đoạn từ tháng 8 và 9 năm 2025 theo phương pháp **chọn mẫu ngẫu nhiên các lớp học phần**. Dữ liệu được **tổng hợp và xử lý tự động thông qua hệ thống Google Form** trước khi phân tích bằng phần mềm thống kê.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Một số vấn đề lí luận liên quan

3.1.1. Khái niệm thái độ ngôn ngữ

Thái độ ngôn ngữ được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau nên cũng có nhiều quan niệm khác nhau về nó.

Theo (Gardner, 1985) cho rằng, nếu coi thái độ là tập hợp các niềm tin và khuynh hướng tâm lý để hành động hoặc đánh giá hành vi theo một cách nhất định thì thái độ ngôn ngữ có thể được định nghĩa là một phần của năng lực tồn tại, nhưng cũng là một cấu trúc năng động của thái độ người học.

Dưới góc độ tâm lí học, thái độ ngôn ngữ là cảm xúc và nhận thức của một cá nhân về ngôn ngữ của họ hoặc các ngôn ngữ khác (Dragojevic, 2021).

(Richards, 1985) và các cộng sự xem thái độ ngôn ngữ là cảm giác mà những người nói các ngôn ngữ khác nhau có đối với ngôn ngữ của nhau hoặc đối với ngôn ngữ của chính họ. Chính thái độ của cộng đồng đối với ngôn ngữ sẽ ảnh hưởng đến vị thế của nó trong cộng đồng giao tiếp.

Theo Nguyễn Văn Khang "thái độ ngôn ngữ (language attitude) có thể hiểu là sự đánh giá về giá trị và khuynh hướng hành vi của một cộng đồng hay cá nhân đối với một ngôn ngữ hoặc một hiện tượng ngôn ngữ nào đó" (Khang, 2012).

Trong bài viết này, tác giả sử dụng quan điểm của Nguyễn Văn Khang về thái độ ngôn ngữ. Theo đó, thái độ ngôn ngữ có thể hiểu là sự đánh giá về giá trị và khuynh hướng hành vi của một cộng đồng hay cá nhân đối với một ngôn ngữ hoặc một hiện tượng ngôn ngữ nào đó.

3.1.2. Tiếng mẹ đẻ

Khái niệm *tiếng mẹ đẻ* đã được bàn luận rộng rãi trong ngôn ngữ học, giáo dục, xã hội học ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ. Tuy nhiên, cách hiểu và phạm vi khái niệm này có sự khác biệt giữa các lĩnh vực nghiên cứu.

Trong nhiều công trình ngôn ngữ học ứng dụng, tiếng mẹ đẻ thường được định nghĩa là ngôn ngữ đầu tiên mà một cá nhân tiếp xúc và thu nhận trong những năm đầu đời. Đây là ngôn ngữ được học trong gia đình, tiếp nhận tự nhiên thông qua giao tiếp hằng ngày chứ không phải qua quá trình giảng dạy chính thức. Theo (Kroon, 1995) và (De Houwer, 2009) yếu tố cốt lõi của định nghĩa này là thời điểm tiếp xúc sớm và năng lực sử dụng mang tính bản năng, phản ánh cách tiếp cận thuần ngữ học đối với khái niệm tiếng mẹ đẻ.

Bên cạnh đó, một hướng tiếp cận khác lại nhấn mạnh khía cạnh xã hội và bản sắc. Tiếng mẹ đẻ được coi là ngôn ngữ gắn với cộng đồng, dân tộc và văn hoá mà cá nhân thuộc về. (Gupta, 1997) và (Skutnabb-Kangas, 2000) cho rằng, tiếng mẹ đẻ không chỉ đơn thuần là ngôn ngữ được học đầu tiên, mà còn là biểu tượng nhận diện của nhóm xã hội – dân tộc. Với cách tiếp cận này, tiếng mẹ đẻ mang ý nghĩa duy trì bản sắc văn hoá, truyền tải tri thức truyền thống và củng cố sự gắn kết cộng đồng, đặc biệt rõ trong nghiên cứu về các nhóm dân tộc thiểu số.

Trong lĩnh vực giáo dục đa ngôn ngữ, (UNESCO, 2016) đưa ra định nghĩa tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ trẻ em sử dụng trong gia đình và cộng đồng sớm nhất, đồng thời khuyến nghị lấy ngôn ngữ này làm phương tiện dạy học ban đầu. Các nghiên cứu của (Heugh, 2011) và (Benson, 2014) đã chứng minh rằng giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ giúp tăng khả năng tiếp thu, cải thiện kết quả học tập, giảm tỷ lệ bỏ học và đồng thời góp phần duy trì bản sắc văn hoá.

Chúng tôi lựa chọn cách tiếp cận của Kroon và De Houwer làm công cụ để làm việc. Theo đó, tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ đầu tiên mà một cá nhân tiếp xúc và thu nhận trong những năm đầu đời. Đây là ngôn ngữ được học trong gia đình, tiếp nhận tự nhiên thông qua giao tiếp hằng ngày không phải qua quá trình giảng dạy chính thức.

3.1.3. Tình hình ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Việt Nam có **54 thành phần dân tộc**, trong đó dân tộc **Kinh chiếm đa số dân số cả nước**, còn lại là **53 dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc thiểu số** có **ngôn ngữ và phương ngữ riêng biệt.** Điều này phản ánh sự đa dạng và phong phú về bản sắc văn hóa – ngôn ngữ.

Mức độ sử dụng tiếng mẹ đẻ **khác nhau giữa các vùng, các dân tộc và thế hệ.** Một số ngôn ngữ như **Tày, Thái, Mường, Khmer, ...** vẫn duy trì sức sống mạnh mẽ trong đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, **nhiều ngôn ngữ** hiện đang **đứng trước nguy cơ mai một hoặc biến mất hoàn toàn**, do số lượng người nói giảm mạnh và không còn được truyền thừa đều đặn giữa các thế hệ. Tiêu biểu cho nhóm này có thể kể đến ngôn ngữ của người **Arem, Ma Liêng, Rục, Co Lao, Pa Dí, Thu Lao, Cuối, Pu Péo, …**. Ngoài ra tỉ lệ người trẻ biết nói, đọc, viết tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình giảm mạnh. Theo khảo sát 2019, chỉ khoảng **58% dân tộc thiểu số dưới 18 tuổi** nói được tiếng mẹ đẻ; và khoảng **16% người 15 tuổi trở lên** có khả năng đọc viết tiếng

dân tộc mình (Trang, 2025). Điều này phản ánh xu hướng **chuyển dịch sang tiếng Việt** ngày càng rõ nét trong học tập, công việc và giao tiếp hàng ngày.

Sự suy giảm ngôn ngữ dân tộc thiểu số xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Nhưng có thể kể đến các nguyên nhân chính sau: phân bố dân cư phân tán, dân số ít, sống xen kẽ với dân tộc Kinh dẫn đến khó duy trì môi trường ngôn ngữ; ảnh hưởng của tiếng Việt trong giáo dục, truyền thông, hành chính, thương mại; đô thị hóa, di cư, hôn nhân liên tộc làm suy yếu ngôn ngữ trong cộng đồng; thiếu môi trường sử dụng trong gia đình, trường học, nghi lễ văn hóa; chưa có chính sách bảo tồn ngôn ngữ đồng bộ và hiệu quả ở cấp địa phương.

Sự suy giảm ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số không chỉ làm mất đi một phương tiện giao tiếp mà còn kéo theo **sự mai một của di sản văn hóa và tri thức bản địa**. Khi năng lực sử dụng tiếng mẹ đẻ suy yếu, **bản sắc tộc người và sự gắn kết cộng đồng** cũng dần bị mờ nhạt, dẫn đến nguy cơ đồng hóa ngôn ngữ – văn hóa. Thực trạng này đặt ra **thách thức cấp thiết cho chính sách ngôn ngữ và giáo dục,** nhằm hài hòa giữa bảo tồn bản sắc và thích ứng với tiến trình hội nhập hiện nay.

3.2. Kết quả khảo sát thống kê

3.2.1. Thực trạng sử dụng tiếng mẹ đẻ

Trong bối cảnh hội nhập và đa dạng ngôn ngữ hiện nay, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của sinh viên dân tộc thiểu số không chỉ phản ánh năng lực giao tiếp cá nhân mà còn thể hiện mức độ duy trì bản sắc văn hóa và bản lĩnh ngôn ngữ dân tộc. Khảo sát tần suất sử dụng tiếng mẹ đẻ của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào chúng tôi thu được kết quả như sau:

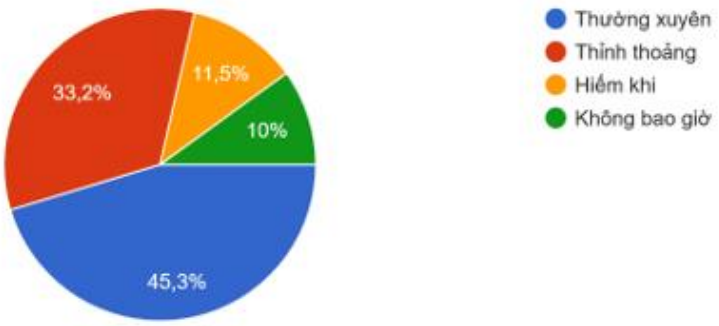

Hình 1. Tần suất sử dụng tiếng mẹ đẻ của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào

Hình 1 cho thấy **45,3% sinh viên** thường xuyên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày, trong khi **33,2%** chỉ sử dụng thỉnh thoảng, phản ánh sự khác biệt đáng kể về mức độ duy trì ngôn ngữ theo bối cảnh và đối tượng giao tiếp. Ngược lại, chỉ **11,5% hiếm khi** và **10% không bao giờ** sử dụng tiếng mẹ đẻ trong đời sống thường nhật. Kết quả này này phản ánh sự chuyển dịch dần trong thực hành ngôn ngữ của một bộ phận sinh viên. Điều này có thể do chịu ảnh hưởng từ mức độ tiếp xúc ngày với ngôn ngữ chiếm ưu thế – cụ thể là tiếng Việt – trong giáo dục, truyền thông và môi trường nghề nghiệp.

Việc phân tích các ngữ cảnh sử dụng cụ thể giúp làm rõ vai trò của tiếng mẹ đẻ trong đời sống học tập và cộng đồng sẽ góp phần phản ánh ý thức bản sắc ngôn ngữ của sinh viên dân tộc thiểu số Trường Đại học Tân Trào.

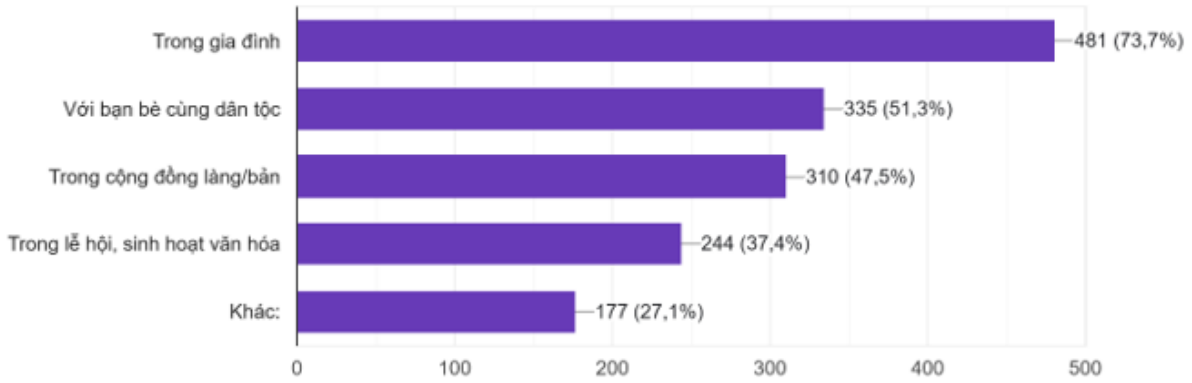

Hình 2. Ngữ cảnh sử dụng tiếng mẹ đẻ của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào

Kết quả khảo sát thể hiện trong Hình 2 cho thấy sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào sử dụng tiếng mẹ đẻ chủ yếu trong gia đình (73,7%), tiếp đến là với bạn bè cùng dân tộc (51,3%) và trong cộng đồng làng/bản (47,5%). Việc sử dụng trong lễ hội, sinh hoạt văn hóa chiếm 37,4%, trong khi các hoàn cảnh khác chiếm 27,1%. Kết quả này cho thấy tiếng mẹ đẻ vẫn gắn bó chặt chẽ với các không gian giao tiếp thân mật và nội tộc, đặc biệt là trong gia đình và cộng đồng. Việc duy trì sử dụng ngôn ngữ trong gia đình phản ánh vai trò trung tâm của thiết chế gia đình trong quá trình truyền thừa ngôn ngữ và bảo tồn bản sắc văn hóa. Đồng thời, việc sử dụng trong sinh hoạt cộng đồng và lễ hội thể hiện chức năng biểu trưng của tiếng mẹ đẻ trong việc củng cố tính cố kết xã hội và biểu đạt bản sắc tập thể.

Tỷ lệ sử dụng tiếng mẹ đẻ của sinh viên Trường Đại học Tân Trào trong các không gian giao tiếp bên ngoài phạm vi gia đình và nội tộc ở mức thấp, cho thấy **xu hướng thu hẹp miền sử dụng của ngôn ngữ này.** Kết quả này **tương đồng với phát hiện** trong nghiên cứu (Quoc Hoang, Khang Nguyen Van, 2025) khi các tác giả cho rằng **việc duy trì ngôn ngữ dân tộc chủ yếu diễn ra trong phạm vi quan hệ thân tộc và sinh hoạt cộng đồng**, trong khi **mức độ sử dụng trong các lĩnh vực chính thức có xu hướng giảm sút rõ rệt.** Nhận định này **cũng phù hợp với quan điểm của** (Fishman, 1991) **và** (Edwards J. , 2009) về **hiện tượng thu hẹp miền sử dụng ngôn ngữ,** một đặc trưng thường được ghi nhận trong các nghiên cứu xã hội ngôn ngữ học về các cộng đồng thiểu số.

Phân tích cho thấy tiếng mẹ đẻ của sinh viên dân tộc thiểu số Trường Đại học Tân Trào chủ yếu được sử dụng trong các không gian phi chính thức như gia đình và cộng đồng cùng dân tộc. Ngôn ngữ này vừa là phương tiện giao tiếp vừa là biểu tượng văn hóa – xã hội gắn liền với bản sắc và sự cố kết cộng đồng. Do đó, việc đánh giá khả năng thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết là cần thiết để hiểu rõ hơn mức độ duy trì và phát triển tiếng mẹ đẻ trong bối cảnh hiện nay.

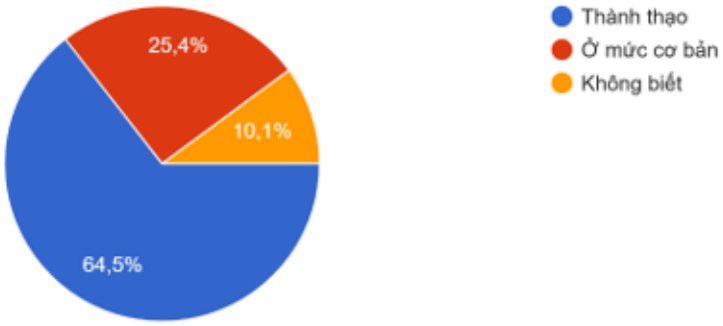

Hình 3. Khả năng thực hành tiêng mẹ đẻ của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào

Theo số liệu được thể hiện trong Hình 3 có thể nhận thấy rằng trong tổng số 653 sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào được hỏi, phần lớn (64,5%) cho rằng họ thành thạo trong việc sử dụng tiếng mẹ đẻ, 25,4% ở mức cơ bản, và chỉ 10,1% cho biết không biết hoặc sử dụng rất hạn chế. Tỷ lệ cao sinh viên nói thành thạo cho thấy năng lực giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ vẫn được duy trì tương đối tốt, phản ánh quá trình truyền thừa ngôn ngữ giữa các thế hệ vẫn đang diễn ra hiệu quả, đặc biệt trong các hoạt động giao tiếp hằng ngày và sinh hoạt văn hóa. Tuy nhiên, tỷ lệ người ở mức cơ bản cũng cho thấy xu hướng suy giảm năng lực ngôn ngữ hoặc chuyển dịch ngôn ngữ từng phần do ảnh hưởng của các ngôn ngữ chi phối như tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

Kết quả nghiên cứu thực trạng sử dụng tiếng mẹ đẻ của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào cho thấy **một hệ sinh thái ngôn ngữ tương đối ổn định nhưng tiềm ẩn nguy cơ suy yếu.** Tiếng mẹ đẻ vẫn đóng vai trò **hạt nhân trong giao tiếp nội tộc và duy trì bản sắc văn hóa,** song sự **thu hẹp miền sử dụng và suy giảm năng lực ở thế hệ trẻ** cho thấy **nguy cơ chuyển dịch ngôn ngữ trong tương lai gần.**

3.2.2. Thái độ và nhận thức về tiếng mẹ đẻ

Thái độ và nhận thức của sinh viên dân tộc thiểu số đối với tiếng mẹ đẻ đóng vai trò then chốt trong việc duy trì, phát triển ngôn ngữ dân tộc trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Việc nghiên cứu khía cạnh này tại Trường Đại học Tân Trào góp phần làm rõ mối quan hệ giữa ý thức bản sắc ngôn ngữ và hành vi sử dụng ngôn ngữ của thế hệ trẻ trong môi trường giáo dục đại học đa văn hóa.

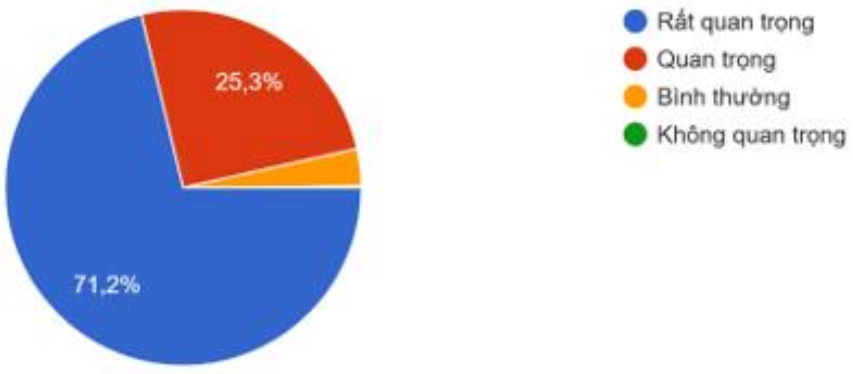

Hình 4. Vai trò của tiếng mẹ đẻ đối với việc duy trì bản sắc dân tộc

Những số liệu thu được thể hiện trong Hình 4 cho thấy, trong tổng số 653 sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Đại học Tân Trào có tới 71,2% cho rằng tiếng mẹ đẻ *"rất quan trọng"* và 25,3% đánh giá là *"quan trọng"* đối với bản sắc dân tộc, chỉ một tỷ lệ nhỏ cho rằng vai trò này là "bình thường" hoặc "không quan trọng." Kết quả này cho thấy sự đồng thuận cao trong cộng đồng về tầm quan trọng của tiếng mẹ đẻ đối với việc hình thành và củng cố ý thức dân tộc. Tỷ lệ vượt trội của các phản hồi tích cực cho thấy ngôn ngữ không chỉ được nhìn nhận như phương tiện giao tiếp, mà còn là hạt nhân biểu tượng của di sản văn hóa và ký ức tập thể. Phát hiện này phù hợp với quan điểm lý thuyết coi bản sắc ngôn ngữ là yếu tố trung tâm trong sức sống ngôn ngữ–dân tộc và khả năng phục hồi văn hóa (Fishman, Joshua A., 1990) (Howard Giles, 1977).

Bên cạnh việc đánh giá vai trò của tiếng mẹ đẻ đối với bản sắc dân tộc, nghiên cứu cũng tập trung phân tích **thái độ của sinh viên khi sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp với bạn bè khác dân tộc.**

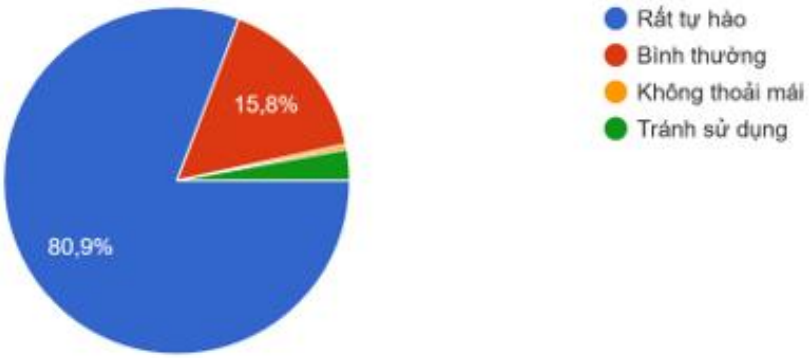

Hình 5. Thái độ của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào đối với việc sử dụng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp với bạn bè thuộc dân tộc khác

Dư liệu được thể hiện trong Hình 5 cho thấy, đa số tuyệt đối sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào (80,9%) bày tỏ sự "rất tự hào" khi sử dụng tiếng mẹ đẻ trong bối cảnh này. Tỷ lệ cao này phản ánh ý thức sâu sắc về bản sắc dân tộc và thái độ ngôn ngữ tích cực. Có 15,8% sinh viên tham gia khảo sát chọn mức "bình thường", cho thấy thái độ trung lập, không nghiêng về niềm tự hào hay sự e dè. Chỉ một tỷ lệ rất nhỏ cho biết "không thoải mái" hoặc "tránh sử dụng", cho thấy các thái độ tiêu cực đối với việc dùng tiếng mẹ đẻ gần như không đáng kể.

Những phát hiện này cho thấy mức độ gắn bó và tự tin cao với bản sắc ngôn ngữ dân tộc. Điều này khẳng định rằng trong cộng đồng khảo sát, ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là biểu tượng quan trọng của sự gắn kết văn hóa và niềm tự hào dân tộc. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước (Edwards J. , 2009), (Fishman, Joshua A., 1991) khi nhấn mạnh rằng thái độ tích cực đối với tiếng mẹ đẻ góp phần quan trọng trong việc duy trì di sản ngôn ngữ.

Từ thái độ sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày, có thể mở rộng phân tích sang **cách sinh viên đánh giá vai trò của ngôn ngữ này trong quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp tương lai.**

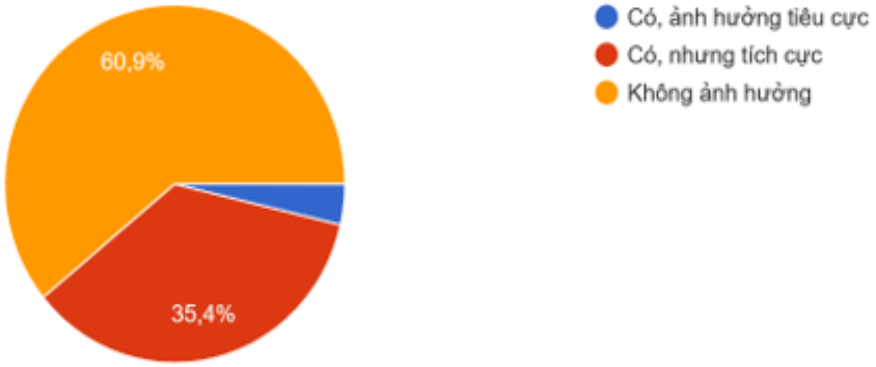

Hình 6. Tác động của việc sử dụng tiếng mẹ đẻ đối với học tập và công việc trong tương lai

Kết quả khảo sát thể hiện trong Hình 6 cho thấy, phần lớn sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào (60,9%) cho rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ *không ảnh hưởng đáng kể* đến kết quả học tập hay cơ hội nghề nghiệp. Điều này cho thấy đa số người được khảo sát coi việc sử dụng song ngữ hoặc đa ngữ là yếu tố trung tính, không cản trở cũng như không đặc biệt thúc đẩy quá trình học tập và làm việc.

Bên cạnh đó, 35,4% cho rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ có *ảnh hưởng tích cực*, góp phần phát triển khả năng tư duy linh hoạt, củng cố bản sắc văn hóa và sự tự tin – những yếu tố có thể hỗ trợ gián tiếp cho thành công học tập và nghề nghiệp. Chỉ có 3,7% người tham gia nhận định rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ mang *tác động tiêu cực*, phản ánh mối lo ngại rất nhỏ rằng việc này có thể gây cản trở trong môi trường học tập và làm việc đa văn hóa.

Nhìn chung, kết quả cho thấy thái độ cân bằng và thực tế đối với vấn đề đa dạng ngôn ngữ. Việc duy trì tiếng mẹ đẻ được nhìn nhận như yếu tố hài hòa với mục tiêu học tập và nghề nghiệp hiện đại. Phát hiện này phù hợp với các nghiên cứu trước (Cummins, 2001) (García, 2009), khẳng định rằng song ngữ không cản trở thành tích học tập mà thậm chí có thể nâng cao năng lực nhận thức và giao tiếp liên văn hóa.

Từ nhận thức về giá trị của tiếng mẹ đẻ trong học tập và nghề nghiệp**, nhiều sinh viên cũng bày tỏ mong muốn được học tập và trau dồi thêm kỹ năng ngôn ngữ này nhằm nâng cao năng lực giao tiếp và duy trì bản sắc văn hóa dân tộc.**

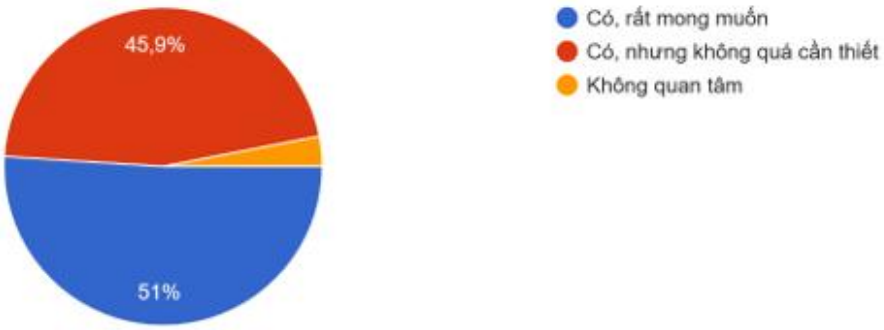

Hình 7. Nguyện vọng của sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại Trường Đại học Tân Trào đối với việc học và rèn luyện thêm các kỹ năng tiếng mẹ đẻ

Phân tích dữ liệu từ Hình 7 cho thấy **hơn một nửa sinh viên dân tộc thiểu số đang học** tại Trường Đại học Tân Trào **(51%)** bày tỏ **mong muốn mạnh mẽ được trau dồi tiếng mẹ đẻ**,

thể hiện sự gắn bó tích cực với di sản ngôn ngữ dân tộc. **Khoảng 45,9% sinh viên** có nhu cầu ở mức trung bình, cho thấy họ vẫn quan tâm nhưng ưu tiên sử dụng **các ngôn ngữ phổ thông** hơn trong học tập và công việc. **Tỷ lệ sinh viên thờ ơ** với việc cải thiện kỹ năng tiếng mẹ đẻ là rất thấp, chứng tỏ **ý thức bảo tồn ngôn ngữ dân tộc** vẫn được duy trì tương đối tốt.

Nhìn chung, kết quả phản ánh thái độ tích cực và tiềm năng phát triển trong việc học tiếng mẹ đẻ, phù hợp với xu hướng nghiên cứu gần đây cho rằng việc duy trì và phục hồi ngôn ngữ dân tộc không chỉ góp phần bảo tồn văn hóa mà còn củng cố bản sắc và năng lực nhận thức (Fishman, Joshua A., 1991); (Hornberger, 2008). Kết quả này cho thấy cơ sở thuận lợi để triển khai các chương trình giáo dục cộng đồng và học đường nhằm thúc đẩy việc học tiếng dân tộc.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên dân tộc thiểu số tại Trường Đại học Tân Trào duy trì thái độ ngôn ngữ tích cực, tự hào và mang tính thực tiễn cao đối với tiếng mẹ đẻ. Tiếng nói dân tộc được họ xem như một biểu tượng của bản sắc văn hóa, đồng thời không đối lập với tiến trình hiện đại hóa và hội nhập xã hội**.** Chính thái độ hài hòa này tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai các chương trình giáo dục song ngữ, phục hồi ngôn ngữ và phát triển văn hóa cộng đồng. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu khẳng định vai trò thiết yếu của việc duy trì đa dạng ngôn ngữ như một yếu tố bảo đảm sự bền vững văn hóa – xã hội trong Việt Nam đương đại.

4. Kết luận

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là tìm hiểu thái độ ngôn ngữ của sinh viên dân tộc thiểu số tại Trường Đại học Tân Trào đối với việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp, học tập và tương tác xã hội. Công trình này góp phần lấp đầy khoảng trống trong các nghiên cứu xã hội ngôn ngữ học ở Việt Nam, nơi còn thiếu các dữ liệu thực nghiệm về cách người trẻ dân tộc thiểu số nhận thức và duy trì tiếng mẹ đẻ của họ trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc gia. Kết quả nghiên cứu cho thấy tiếng mẹ đẻ của sinh viên vẫn giữ vị trí trung tâm trong giao tiếp nội tộc và khẳng định bản sắc văn hóa, dù dấu hiệu suy giảm năng lực ngôn ngữ ở thế hệ trẻ cho thấy nguy cơ chuyển dịch trong tương lai. Thái độ tích cực, tự hào nhưng thực tiễn đối với tiếng mẹ đẻ tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển giáo dục song ngữ, phục hồi ngôn ngữ và gìn giữ văn hóa cộng đồng. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu đóng góp cho khung lý thuyết xã hội ngôn ngữ học và dân tộc ngữ học thông qua việc làm sáng tỏ mối quan hệ động giữa bản sắc, thái độ và duy trì ngôn ngữ trong bối cảnh cộng đồng thiểu số. Về mặt thực tiễn, các kết quả nghiên cứu gợi mở hàm ý cho việc hoạch định chính sách giáo dục song ngữ và bảo tồn văn hóa, cho thấy việc củng cố thái độ ngôn ngữ tích cực có thể trở thành chiến lược then chốt nhằm duy trì đa dạng ngôn ngữ ở Việt Nam.Tuy nhiên, nghiên cứu này được thực hiện trong phạm vi một cơ sở giáo dục, do đó tính khái quát của kết quả có thể bị giới hạn. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng đối tượng khảo sát sang các nhóm dân tộc và khu vực địa lý khác nhau, hoặc nghiên cứu theo hướng dọc để theo dõi sự thay đổi trong hành vi ngôn ngữ của sinh viên theo thời gian. Nhìn chung, việc duy trì thái độ ngôn ngữ tích cực trong thế hệ thanh niên dân tộc thiểu số đóng vai trò then chốt trong việc củng cố sức sống văn hóa và bảo đảm sự bền vững của đa dạng ngôn ngữ trong xã hội Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benson, C. (2014), *Educating multilingual children: The role of first language instruction in developing countries.* New York: Routledge.
2. Cummins, J. (2001), Bilingual children's mother tongue: Why is it important for education? *Sprogforum*, 15–20.
3. De Houwer, A. (2009), *Bilingual first language acquisition.* Bristol, United Kingdom: Multilingual Matters.
4. Dragojevic, M. G. (2021), *Language attitudes: Social meanings and their impact on communicative behavior.* Annual Review of Linguistics, 383–403. doi:https://doi.org/10.1146/annurev-linguistics-042320-122118
5. Edwards, J. (2009), *Language and identity: An introduction.* Cambridge: Cambridge University Press.
6. Fishman, J. A. (1991), *Reversing Language Shift: Theoretical and Empirical Foundations of Assistance to Threatened Languages.* Clevedon, England: Multilingual Matters.
7. Fishman, Joshua A. (1990), *Handbook of Language and Ethnic Identity.* New York, Hoa Kỳ: Oxford University Press.
8. Fishman, Joshua A. (1991), *Reversing Language Shift: Theoretical and Empirical Foundations of Assistance to Threatened Languages.* Clevedon: Multilingual Matters.
9. García, O. (2009), *Bilingual Education in the 21st Century: A Global Perspective.* Wiley-Blackwell: Malden, MA, USA.
10. Gardner, R. C. (1985), *Social Psychology and Second Language Learning: The Role of Attitudes and Motivation.* London: Edward Arnold.
11. Gupta, A. F. (1997), When mother-tongue education is not preferred. *Journal of Multilingual and Multicultural Development*, 496–506. doi:https://doi.org/10.1080/01434639708666335
12. Heugh, K. (2011), *Optimizing learning, education, and publishing in Africa: The language factor.* Hamburg, Germany: UNESCO Institute for Lifelong Learning.
13. Hornberger, N. H. (2008), *Can schools save Indigenous languages? Policy and practice on four continents.* New York: Palgrave Macmillan.
14. Howard Giles, R. Y. (1977), *Language, Ethnicity, and Intergroup Relations.* London: Academic Press.
15. Khang, N. V. (2012), *Ngôn ngữ học xã hội.* NXB Giáo dục Hà Nội.
16. Kroon, S. (1995), *Standardization and linguistic variation in multilingual communities.* Tilburg, The Netherlands: Tilburg University Press.
17. Quoc Hoang, Khang Nguyen Van. (2025), Multilingual communication characteristics of ethnic minorities in An Giang province, Mekong Delta, Vietnam. *Ampersand: An Interdisciplinary Journal of Applied Linguistics*, 272-286. doi:https://doi.org/10.1016/j.amper.2025.100220
18. Richards, J. C. (1985), *Longman Dictionary of Applied Linguistics.* London, England: Longman.
19. Skutnabb-Kangas, T. (2000), *Linguistic genocide in education – or worldwide diversity and human rights?* Lawrence Erlbaum Associates: Mahwah, New Jersey, & London.
20. Vũ Quỳnh Trang (2025, 7 20), *Công nghệ góp phần bảo tồn ngôn ngữ các dân tộc thiểu số.* doi:https://nhandan.vn/cong-nghe-gop-phan-bao-ton-ngon-ngu-cac-dan-toc-thieu-so-post894902.html [Truy cập ngày 20/7/2025].
21. UNESCO. (2016), *If you don't understand, how can you learn? Global Education Monitoring Report.* UNESCO.
22. UNESCO. (2003), *Education in a multilingual world (UNESCO Education Position Paper).* UNESCO.